

KINH TẾ HỌC

CUA PAUL A. SAMUELSON
A WILLIAM D. NORDHAUS

tiếp theo)
Ồ ĐỨC HÙNG

CHƯƠNG 2: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA TỔ CHỨC KINH TẾ

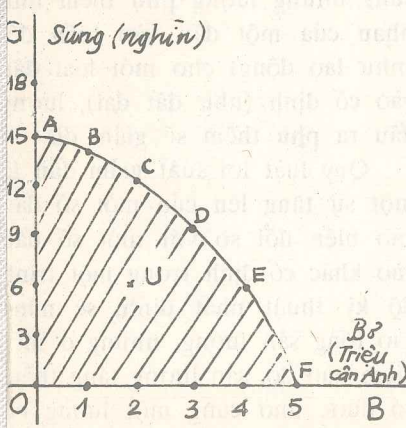
B. Các lựa chọn về công nghệ
ở ra cho một xã hội.

4. Giới hạn khả năng sản xuất của xã hội.

Do tính chất hạn chế của toàn bộ tài nguyên và kỹ thuật có thể sản xuất ra hàng hoá, xã hội buộc phải lựa chọn trong số hàng hoá trong đối khan hiếm.

Một nền kinh tế sử dụng hết tài nguyên mà sản xuất một mặt hàng thì luôn luôn phải bỏ một cái gì đó của một mặt hàng khác. Thay thế là quy luật của cuộc sống trong một nền kinh tế sử dụng hết tài nguyên.

Đường giới hạn khả năng sản xuất biểu thị các lựa chọn mà xã hội có thể có. Nó cho thấy mức độ có thể chuyển một loại hàng hoá này thành loại kia nhờ chuyển các tài nguyên từ việc sản xuất hàng hoá đó sang sản xuất hàng hoá kia.



PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Trong tác phẩm, các tác giả đã nêu lên một ví dụ về sự lựa chọn của xã hội trong việc sản xuất bơ và súng.

Đường cong giới hạn khả năng sản xuất (nói các điểm biểu diễn những khả năng sản xuất theo con số)

Giới hạn theo hình vẽ nêu trên cho thấy khả năng lựa chọn theo đó xã hội có thể thay thế bơ bằng súng, với giả định một trình độ kỹ thuật và tổng nguồn tài nguyên nào đó. Các điểm ngoài đường giới hạn là không thể có hay không thể đạt tới được, chẳng hạn được biểu thị bằng điểm I. Các điểm bên trong đường cong, ví dụ như U, nói lên nguồn tài nguyên không được sử dụng hoàn toàn theo phương thức tốt nhất.

5. Hiệu quả sản xuất

Các tác giả cho rằng hiệu quả sản xuất diễn ra khi không thể tăng sản xuất một loại hàng hoá này mà không giảm sản xuất một loại hàng hoá khác. Hiệu quả nghĩa là không có lãng phí. Một nền kinh tế có hiệu quả nằm trên đường giới hạn khả năng sản xuất của nó. Điều này được minh hoạ bằng đường giới hạn P-P. Khi một nền kinh tế nằm trên đường giới hạn, nó chỉ có thể sản xuất thêm súng bằng cách hy sinh một số bơ.

Và như vậy các xã hội không phải lúc nào cũng ở trên đường giới hạn- khi có quá nhiều tài

nguyên không được sử dụng hoặc có một sự lạm dụng nào đó mang tính chất độc quyền, thì nền kinh tế sẽ không sản xuất có hiệu quả.

6. Một số ứng dụng của đường giới hạn P-P

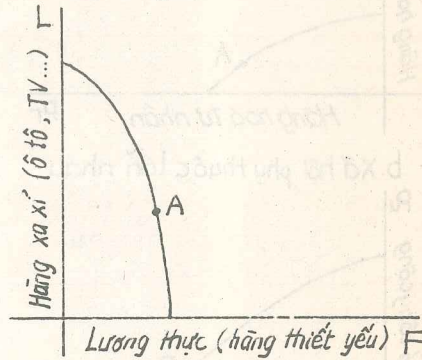
Đường giới hạn khả năng sản xuất có thể minh họa nhiều quá trình kinh tế cơ bản.

Chẳng hạn :

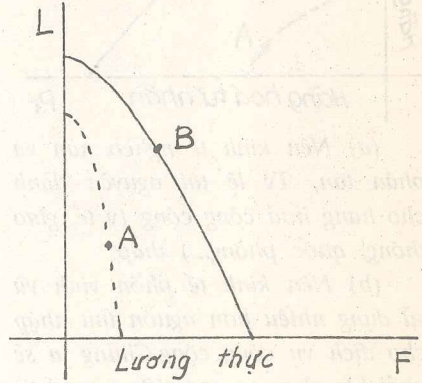
Ví dụ 1 :

Việc tăng trưởng kinh tế đẩy đường giới hạn ra ngoài như thế nào ? Chúng ta sử dụng tương đối ít đi tài nguyên để sản xuất lương thực khi ta phát triển lên như thế nào?

a. Nước nghèo



b. Nước phát triển



Hình vẽ nêu trên cho thấy sự phát triển và tiến bộ kinh tế di chuyển đường giới hạn P-P ra phía ngoài.

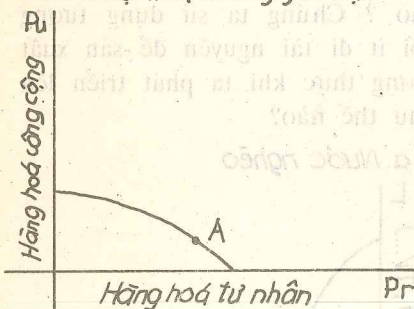
(a) Trước khi phát triển, nước còn nghèo. Phải dành hầu hết tài nguyên cho sản xuất lương thực, có ít tiền nghỉ.

(b) Phát triển kinh tế và sáng chế di chuyển đường giới hạn P-P ra ngoài. Sau khi phát triển, một nước di chuyển từ A sang B, việc mở rộng mức tiêu thụ lương thực ít hơn nhiều so với mức tiêu thụ hàng xa xỉ.

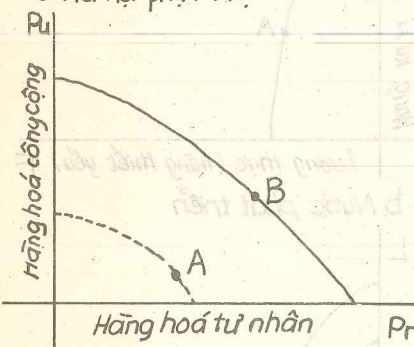
Ví dụ 2:

Chúng ta sẽ phải lựa chọn ra sao giữa hàng hóa thị trường tư nhân (phải mua) và hàng hóa có tính chất dịch vụ công cộng (phần lớn trả bằng thuế).

a. Xã hội trên đường giới hạn



b. Xã hội phụ thuộc lẫn nhau



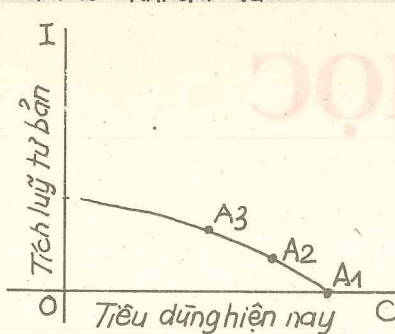
(a) Nền kinh tế nghèo nàn và phân tán. Tỷ lệ tài nguyên dành cho hàng hoá công cộng (y tế, giao thông, quốc phòng...) thấp.

(b) Nền kinh tế phồn vinh và sử dụng nhiều hơn nguồn thu nhập cho dịch vụ công cộng. Chúng ta sẽ phải lựa chọn ra sao giữa hàng hoá thị trường tư nhân (phải mua) và hàng hoá có tính chất dịch vụ công cộng (phần lớn trả bằng thuế)

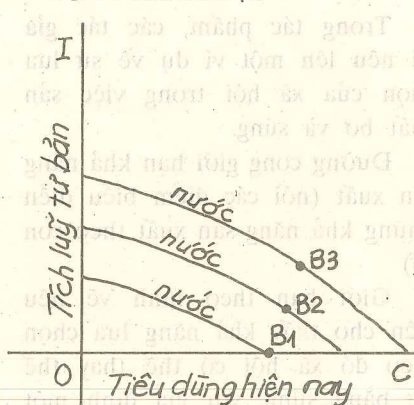
Ví dụ 3:

Phải lựa chọn ra sao giữa hàng hoá tiêu dùng hàng ngày và hàng hoá tư bản để tăng cường khả năng sản xuất trong tương lai?

a. Trước khi đầu tư



b) Sau khi đầu tư



Hình vẽ này cho thấy tích tụ tư bản cho tiêu dùng trong tương lai buộc phải hy sinh tiêu dùng hiện nay.

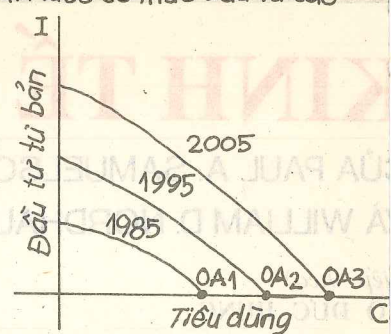
(a) Ba nước bắt đầu như nhau: họ cùng có đường giới hạn P-P. Tuy nhiên họ có tỷ lệ đầu tư cho tương lai ở vị trí A1 (chỉ thay thế máy móc). Nước số 2 chịu nhận một phần nhỏ tiêu dùng và đầu tư một ít ở A2. Nước số 3, do cá nhân hy sinh, ở vị trí A3, nghĩa là đầu tư nhiều và hy sinh nhiều ở mức tiêu dùng hiện nay.

(b) Trong các năm sau, các nước đầu tư nhiều tiến nhanh hơn. Do vậy, sau khi tiết kiệm, nước số 3 đã chuyển đường giới hạn P-P ra ngoài nhiều, trong khi đường giới hạn P-P của nước số 1 không hề thay đổi. Sau khi tiết kiệm, nước số 3 vẫn đầu tư nhưng cũng có mức tiêu dùng hiện nay cao hơn.

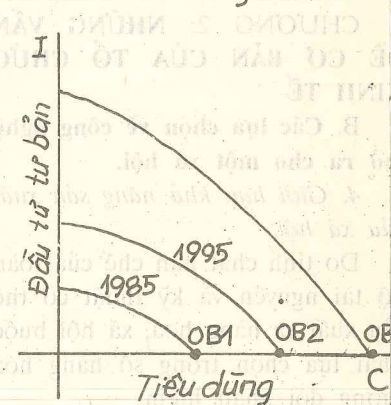
Ví dụ 4:

Đường giới hạn P-P góp phần minh họa tiến bộ kỹ thuật.

a. Nước có mức đầu tư cao



b. Nước có mức sống chế cao



(a) Nước A, tiết kiệm nhưng chậm chạp, tiến lên bằng cách tích lũy hàng tư bản.

(b) Nước B nhấn mạnh sản phẩm. Nước đó tiến nhanh hơn từ 1985 đến 1995 vì đầu tư vào giáo dục, khoa học, nghiên cứu và phát triển. Từ 1995 đến 2005 tiến nhanh hơn vì dùng cả hai phương pháp tiến bộ kỹ thuật và tích tụ tư bản.

7. Quy luật lợi suất giảm dần

Quy luật này khẳng định rằng, qua một điểm nào đó, nếu ta bổ sung những lượng phụ thêm như nhau của một đầu vào biến đổi (như lao động) cho một loại đầu vào cố định (như đất đai), lượng đầu ra phụ thêm sẽ giảm đi.

Quy luật lợi suất giảm dần là một sự tăng lên của một số đầu vào biến đổi so với một số đầu vào khác cố định trong một trình độ kỹ thuật nhất định, sẽ nâng cao tổng sản lượng, nhưng ở một điểm nào đó, sản lượng tăng thêm có được nhờ cùng một lượng bổ

Đơn vị lao động
(ng/năm)

Tổng sản lượng (giá)

Sản lượng tăng
thêm nhờ các đơn vị
lao động tăng thêm
(giá/theo đầu
người/năm)

0	0		2000
1	2.000		1000
2	3.000		500
3	3.500		
4	3.800		100
5	3.900		

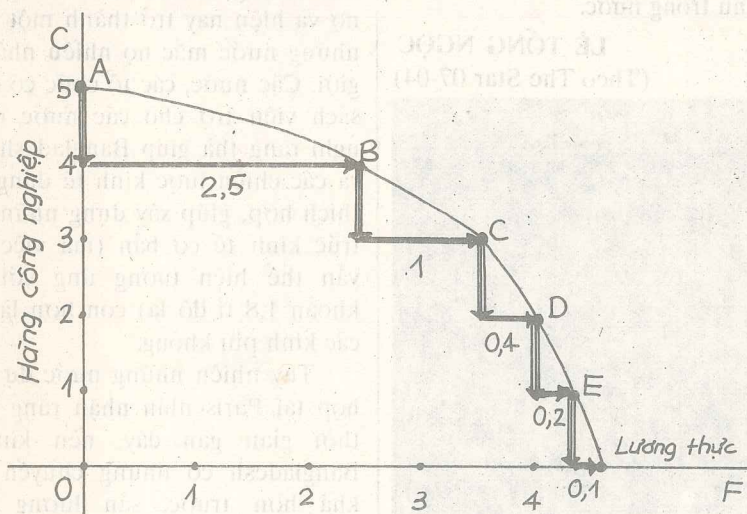
ing ở đầu vào có khả năng ngày
ột nhỏ hơn.

8. Quy luật chi phí tương đối
gày càng tăng

Quy luật “Chi phí tương đối
gày càng tăng” thắng thế khi
uốn có thêm một số lượng bằng
nau về một mặt hàng, xã hội
hải hy sinh ngày càng nhiều số
ợng nhiều mặt hàng khác.

Đường cong lồi hay hình chóp

lượng thực cộng với lợi suất giảm
dần tạo ra chi phí tương đối ngày
càng tăng. Từ A đến B, từ B đến
C, từ C đến D, từ D đến E và
từ E đến Z ta phải bỏ một lượng
hàng hoá công nghiệp bằng nhau
bởi vì ta chuyển số lượng lao động
như nhau ra khỏi ngành công
nghiệp (các mũi tên dọc). Nhưng
vì số đơn vị lao động biến thiên
bằng nhau được bổ sung cho số



ầu của đường giới hạn khả năng
ản xuất biểu thị quy luật chi phí
ương đối ngày càng tăng. Trong
ực tế là khi muốn có thêm hàng
ông nghiệp, thì chi phí tương đối
ủa nó tăng lên về mặt phải hy
nh hàng công nghiệp.

Hình vẽ nêu trên cho thấy sự
han hiếm đất đai để sản xuất

lượng đất đai nông nghiệp cố định,
lợi suất giảm dần đem lại ngày
càng ít lương thực tăng thêm (mũi
tên ngang).

HDH.

(Kỳ sau tiếp: Chương 3 : Hoạt động giá
cả trong nền kinh tế hỗn hợp)

TIN SINH HOẠT

MỘT MÔ HÌNH MỚI: CÂU LẠC BỘ NHÀ DOANH NGHIỆP TƯƠNG LAI

Đoàn Trường Đại học Kinh tế
TP.HCM vừa ra mắt Câu lạc bộ
Nhà doanh nghiệp tương lai vào
ngày 26/4/1990. Mô hình mới ra đời,
tạo điều kiện để tập hợp, trao đổi,
tìm hiểu, hướng dẫn và tiếp xúc thực
tế trong lĩnh vực doanh nghiệp và
quản lý xí nghiệp để anh chị em
sinh viên trường gần việc rèn luyện,
đào tạo với thực tiễn nhằm thích
ứng với cuộc sống sau này.

Tại buổi ra mắt CLB, các hội
viên cố vấn của CLB gồm một số
chuyên gia hoạt động các ngành
kinh tế như các ông Lâm Võ
Hoàng, Huỳnh Bửu Sơn, Trần Văn
Chánh, Trần Bá Tước và Hiệu
trưởng, Hiệu phó, cán bộ, giáo viên
của Trường đã khẳng định sự tự
nguyện đến với CLB với tư cách là
những người đi trước “giao ca” lại
cho thế hệ tương lai, giúp cho loại
hình sinh hoạt được phong phú
bằng việc truyền đạt những kinh
nghiệm, thực tế của mình. Bước
đầu, CLB đã có 300 hội viên chính
thức là sinh viên của Trường
ĐHKT.

Các loại hình hoạt động của
CLB sắp tới là tổ chức sinh hoạt
khoa học, thời sự kinh tế, hội thảo,
mạn đàm, thi hùng biện, giới thiệu
doanh nghiệp, doanh gia trong,
ngoài nước, thâm nhập thực tế sản
xuất v.v..., tích cực đáp ứng những
tâm tư nguyện vọng của anh chị em
sinh viên.

TRƯƠNG PHƯƠNG TRINH